

Bản án số: 15/2019/HS-PT
Ngày: 28-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Phạm Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Thị V, Đào Nguyễn Lê X do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/Họ và tên: Nguyễn Thị V (tên gọi khác: V1, D), sinh ngày 09/6/1966 tại tỉnh S;

Nơi cư trú: Tổ 0, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Y tá; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết T (chết) và bà Nguyễn Thị V; chồng là Nguyễn V (đã ly hôn), có 02 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/Họ và tên: Đào Nguyễn Lê X, sinh ngày 06/7/1991, tại Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị H; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 17/11/2018 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú bằng biện pháp bắt, tạm giam; bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2018 cho đến nay; bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2017, Nguyễn Thị V gặp và quen biết với Đào Nguyễn Lê X, sau nhiều lần tiếp xúc, V và X nảy sinh ý định lừa đảo những người có nhu cầu xin việc làm bằng cách nhận xin việc giúp họ sau đó làm Quyết định tuyển dụng giả giao cho những người xin việc mặc dù V, X đều không có khả năng xin việc làm cho người khác. V và X bàn bạc, thống nhất với nhau nếu có người xin việc làm thì V là người liên lạc, gặp gỡ nhận tiền đặt cọc còn X chịu trách nhiệm đi làm các quyết định giả để giao cho họ tạo niềm tin nhằm chiếm đoạt tài sản.

Do quen biết ông Đinh V2 từ trước nên X biết V2 đang có nhu cầu xin việc làm. X đưa số điện thoại của V2 cho V để V tiếp xúc, trò chuyện. Sau khi liên lạc được với V2, vào khoảng tháng 7/2017, V hẹn V2 đến quán cà phê Ánh D ở thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi uống nước và trao đổi vấn đề xin việc làm. V giới thiệu mình tên V1 có chồng là người có địa vị cao trong xã hội, có khả năng xin được việc làm cho nhiều người. Qua giới thiệu của V2, V đồng ý xin việc làm cho chị Huỳnh Thị Thu T (con bà Đỗ Thị Th) về làm giáo viên ở huyện B với giá 70.000.000 đồng nhưng sau đó V, V2 thống nhất lại số tiền xin việc cho chị T là 140.000.000 đồng, bà Th trực tiếp giao dịch với V2, giao cho V2 20.000.000 đồng để V2 ứng trước cho V. Ngoài ra, V nói với V2 sẽ xin được cho V2 làm bảo vệ ở Bệnh viện tâm thần Q với số tiền 20.000.000 đồng, V2 đồng ý. Mặt khác, V nói với V2 nếu có người nào cần xin việc làm thì mang hồ sơ và tiền đến gặp V, V sẽ trích tiền hoa hồng cho V2 theo từng hồ sơ. Khoảng vài ngày sau, cũng trong tháng 7/2017, V hẹn gặp V2 tại quán cà phê Ánh D để V2 giao hồ sơ và tiền ứng trước. Tại quán cà phê Ánh D, V2 giao cho V 02 (hai) bộ hồ sơ xin việc của V2 và T cùng số tiền 40.000.000 đồng, gồm: 20.000.000 đồng tiền ứng trước để xin việc cho T và 20.000.000 đồng tiền xin việc cho V2, V đưa lại cho V2 5.000.000 đồng tiền hoa hồng. Sau đó, V điện thoại thông báo cho X biết đã nhận hồ sơ xin việc và tiền. Trong số tiền 35.000.000 đồng đã nhận của V2, V lấy 25.000.000 đồng, đưa cho X 10.000.000 đồng. X nhờ V trả cho người tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Quảng Ngãi số tiền 10.000.000 đồng. Ngày hôm sau V mang hồ sơ xin việc của Huỳnh Thị Thu T đến Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nơi X làm việc) đưa hồ sơ cho X để X liên hệ làm giả quyết định tuyển dụng đối với T. Sau đó khoảng 04 - 05 ngày, V2 gọi điện cho V hỏi V có thể xin việc cho bà Nguyễn Thị Uyên T3 hay không. V trao đổi với X, cả hai thống nhất sẽ nói xin việc cho T3 về làm kế toán tại Bệnh viện đa khoa huyện B với số tiền 70.000.000 đồng. V điện thoại lại cho V2 đồng ý xin việc cho T3 với số tiền 70.000.000 đồng, đưa trước 30.000.000 đồng, sau đó khoảng 02 - 03 ngày, cũng trong tháng 7/2017, V hẹn gặp V2 tại quán cà phê Ánh D, V2 đưa hồ sơ xin việc của bà T3 và 30.000.000 đồng tiền ứng trước. V đưa lại cho V2 3.000.000 đồng tiền hoa hồng, trong số tiền 27.000.000 đồng nhận từ V2, V lấy 16.000.000 đồng, đưa cho X 11.000.000 đồng.

X nhắn tin trên mạng xã hội Zalo với địa chỉ Zalo “Q” qua số điện thoại XXXX.XXX.XXX và đặt làm 02 (hai) Quyết định tuyển dụng giả (một Quyết định của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với Huỳnh Thị Thu T, một Quyết định của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện B về việc tiếp nhận và phân công công chức đối với Nguyễn Thị Uyên T3) với giá tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận các Quyết định tuyển dụng giả X đưa cho V. Sau đó, V hẹn gặp V2 tại quán cà phê Ánh D để giao 02 (hai) Quyết định tuyển dụng giả cho gia đình chị T, bà T3. Khi đến gặp V, V2 đi cùng vợ là bà Đỗ Thị L, V đưa 02 (hai) Quyết định tuyển dụng đối với T, T3 cho V2 thì bà L phát hiện các quyết định tuyển dụng có sai sót, không có số quyết định nên nói với V, V nói do nhân viên sai sót sẽ yêu cầu làm lại. V trao đổi với X các nội dung sai sót trên và giao lại các quyết định trên cho X để X làm lại.

X liên lạc lại địa chỉ Zalo “Q”, số điện thoại XXXX.XXX.XXX để làm lại 02 (hai) Quyết định trên, yêu cầu sửa chữa các lỗi sai sót với giá tiền là 4.000.000 đồng. Khi nhận lại các quyết định từ X, V tiếp tục hẹn V2 cùng gia đình của chị T, bà T3 đến quán cà phê Ánh D để giao Quyết định. Lúc này, V đi cùng một người phụ nữ tên V4 (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn mới quen; V2 đi cùng bà Nguyễn Thị Uyên T3, gia đình của T gồm: Bà Th và ông Huỳnh Tấn K (chú ruột của T). Khi mọi người nhận và xem Quyết định tuyển dụng giả thì ông K phát hiện nhiều sai sót về thể thức trình bày văn bản cũng như từ ngữ sử dụng không đúng nên đã phản ánh lại với V, V đưa ra lý do và lấy lại các Quyết định để làm lại, V trao đổi với X về những nội dung sai sót, X tiếp tục liên lạc theo địa chỉ Zalo “Q”, số điện thoại XXXX.XXX.XXX để làm lại hai Quyết định tuyển dụng giả trên, yêu cầu sửa chữa lỗi sai sót với giá tiền là 3.000.000 đồng. Lần này, X thanh toán tiền bằng cách gửi 3.000.000 đồng vào tài khoản số ZZZZZZZZZZZZZZZ mang tên chủ tài khoản Trương Thành D của Ngân hàng T.

Sau khi nhận lại các Quyết định tuyển dụng giả, X giao lại cho V. Ngày 19 tháng 8 năm 2017, V tiếp tục hẹn gặp ông V2, bà T3, bà Th đến quán cà phê R ở thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giao các Quyết định tuyển dụng giả đồng thời yêu cầu bà T3, bà Th nhận quyết định phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại. Khi đi đến quán cà phê R, V nhờ Phạm Tấn H chở đi, lúc V giao 02 (hai) Quyết định tuyển dụng giả trên cho bà T3 và bà Th, do nghi ngờ V giao Quyết định giả nên bà T3, bà Th báo Công an huyện B để làm việc. Sau đó Công an huyện B chuyển hồ sơ vụ việc trên cho Công an huyện T thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra (viết tắt là Cơ quan CSĐT) Công an huyện T đã trưng cầu giám định chữ ký và hình dấu tròn trên các Quyết định tuyển dụng đối với Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Thị Uyên T3. Ngày 25/9/2017, Phòng PC54 Công an tỉnh Quảng Ngãi có kết luận giám định số 1306/KLGD - PC54 kết luận:

*** Về chữ ký:**

Chữ ký đứng tên Trịnh G trên “*Quyết định về việc tiếp nhận và phân công công chức đối với bà Nguyễn Thị Uyên T3*” số 136/QĐ - BVĐK, đề ngày 12/8/2017 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện B (ký hiệu A1) với chữ ký của ông Trịnh G - Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện B trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) **là không phải do một người ký ra.**

Chữ ký đứng tên Đoàn D trên “*Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với bà Huỳnh Thị Thu T*” số 989/QĐ - SNV, đề ngày 18/8/2017 của Giám đốc Sở Nội Vụ tỉnh Quảng Ngãi (ký hiệu A2) với chữ ký của ông Đoàn D - Giám đốc Sở Nội Vụ tỉnh Quảng Ngãi trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) **là không phải do một người ký ra.**

*** Về hình dấu:**

Hình dấu tròn có nội dung “*Bệnh viện đa khoa huyện B*” trên “*Quyết định về việc tiếp nhận và phân công công chức đối với bà Nguyễn Thị Uyên T3*” số 136/QĐ - BVĐK, đề ngày 12/8/2017 ghi của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện B (ký hiệu A1) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) **là không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

Hình dấu tròn có nội dung “*Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi*” trên “*Quyết định về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch công chức*” số 989/QĐ-SNV, đề ngày 18/8/2017 ghi của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi (ký hiệu A2) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4) **là không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 28/11/2018, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị V, Đào Nguyễn Lê X phạm các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 341; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị V 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 60 (sáu mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 341; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Đào Nguyễn Lê X 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 60 (sáu mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 20/11/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/12/2018, bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Đào Nguyễn Lê X có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Đào Nguyễn Lê X vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Đào Nguyễn Lê X. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị V, Đào Nguyễn Lê X: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Đào Nguyễn Lê X đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Đào Nguyễn Lê X mặc dù không có khả năng xin được việc làm cho người khác, nhưng vì cần tiền để trả nợ nên V và X đã bàn bạc, thống nhất liên hệ và nhận tiền để xin việc cho chị Huỳnh Thị Thu T (con bà Đỗ Thị Th) về làm giáo viên ở huyện B, ông Đinh V2 làm bảo vệ tại Bệnh viện tâm thần Q, bà Nguyễn Thị Uyên T3 về làm kế toán tại Bệnh viện Đa khoa huyện B. Đồng thời, X thông qua mạng xã hội Zalo làm 02 Quyết định tuyển dụng giả đưa cho V để V giao cho bà T3, bà Th. Tuy nhiên, khi nhận Quyết định tuyển dụng bà T3, bà Th và gia đình nghi ngờ các Quyết định tuyển dụng là giả và báo Công an huyện B để xử lý vụ việc. Tổng số tiền các bị cáo V, X chiếm đoạt của ông V2, bà T3, bà Th là 70.000.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T xét xử các bị cáo Nguyễn Thị V, Đào Nguyễn Lê X về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị V, Đào Nguyễn Lê X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như về nhân thân, tình tiết tăng nặng, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị V 60 (sáu mươi) tháng tù và bị cáo Đào Nguyễn Lê X 60 (sáu mươi) tháng tù về các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là phù hợp, không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng

cáo của bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Đào Nguyễn Lê X, giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo.

[3] Để đảm bảo cho việc thi hành án Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo Nguyễn Thị V tại phiên tòa.

[4] Đối với tiền thu lợi bất chính ông Đinh V2 đã nhận từ Nguyễn Thị V 8.000.000 đồng là tiền hoa hồng ông V2 nhận theo thỏa thuận với V nếu kiếm được người có nhu cầu xin việc giới thiệu cho V: Ông Đinh V2 không biết Nguyễn Thị V có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và chính bản thân ông V2 cũng bị V lừa đảo chiếm đoạt 20.000.000 đồng; do đó, cấp sơ thẩm không khởi tố, truy tố, xét xử đối với ông Đinh V2 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với vai trò là đồng phạm với Đào Nguyễn Lê X và Nguyễn Thị V là có căn cứ. Tuy nhiên, ông Đinh V2 chưa nộp lại tiền thu lợi bất chính 8.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không tuyên buộc ông Đinh V2 nộp mà chỉ tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền 8.000.000 đồng là chưa đầy đủ. Do đó, cấp phúc thẩm tuyên buộc ông Đinh V2 phải nộp số tiền 8.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Đào Nguyễn Lê X phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị V và bị cáo Đào Nguyễn Lê X. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 341; khoản 3 Điều 7; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị V 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 60 (sáu mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án (28/3/2019).

Căn cứ khoản 3 Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự bắt, tạm giam bị cáo Nguyễn Thị V tại phiên tòa để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b

khoản 2 Điều 341; khoản 3 Điều 7; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Đào Nguyễn Lê X 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 60 (sáu mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 20/11/2018.

2. Đối với tiền thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc ông Đinh V2 phải nộp số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đào Nguyễn Lê X phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện T;
- Công an huyện T;
- THA dân sự huyện T;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé